THI ONLINE: THÌ HIỆN TẠI ĐƠN
CHUYÊN ĐỀ: CÁC THÌ CƠ BẢN TRONG TIẾNG ANH
MÔN TIẾNG ANH - LỚP 12
BIÊN SOẠN: CÔ GIÁO: HOÀNG XUÂN

(868564) Circle the corect form of the verb.

Question 1. Chloe watch/watches TV every evening.

Question 2. Our teacher read / reads lots of books.

Question 3. Dad go/goes to work by bus every morning.

Question 4. I drink/drinks lots of water.

Question 5. Paul fly/flies his kite on windy days.

Question 6. The children play/plays in the park on Saturdays.

Question 7. We live/lives in a big house.

Question 8. Maria has/ have breakfast on the balcony.

Question 9. My mum wear / wears a uniform to work.

Question 10. He ride/rides his bike to school every morning.

Question 11. I usually fish / fishes in the river near my house.

Question 12. They are from Italy. They speak/speaks Italian.

(868577) Fill in the blanks with don't or doesn't.

Question 13. I_____do my homework after dinner.

Question 14. Terry_____write postcards on special days.

Question 15. We_____want a new house in the city.

Question 16. Larry and George_____play in the team.

Question 17. My uncle_____go walking every Sunday.

Question 18. The Browns_____watch TV on weekdays.

Question 19. They_____visit the animal shelter.

Question 20. Mr. Cutter doesn't_____stay at a big hotel.

(868586) Rewrite these sentences making them negative.

Question 21. Bruce works at a factory in the city center.

=> _____.

Question 22. They visit their grandparents every weekend.

=> _____.

Question 23. My classmates study English before school.

=> _____.

Question 24. She likes pop music and adventure stories.

=> _____.

Question 25. I play the drum in the school band.

=> _____.

Question 26. Our aunt cooks delicious chocolate cakes for us.

=> _____.

(868593) Fill in the blanks with do or does.

Question 27. _____your father work in an office?

Question 28. _____ she have any coloured pencils?

Question 29. _____ they brush their teeth after breakfast?

Question 30. _____Rachel visit the museums in the city?

Question 31. _____ you study at an elementary school?

Question 32. _____ we have any cheese in the fridge?

Question 33. _____Mrs. Smith drive to work?

Question 34. _____ the train arrive at eleven o'clock?

(868602) Match the verb forms in the sentences (1-6) to the correct use (a-f).

Question 35. She works in a bank.	a. a general truth
Question 36. They usually eat out on Saturdays.	b. a timetable
Question 37. Wool comes from sheep.	c. a permanent situation
Question 38. The Sun rises in the east.	d. a programme
Question 39. The bus arrives at 5 o'clock.	e. a repeated or habitual action
Question 40. The film starts in ten minutes.	f. a law of nature

----THE END----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN BỞI BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Chloe xem TV mỗi tối.

Choose "watches".

2 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Giáo viên của chúng tôi đọc rất nhiều sách.

Choose "reads".

3 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Bố đi làm bằng xe buýt mỗi sáng.

Choose "goes".

4 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Tôi uống rất nhiều nước.

Choose "drink".

5 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Paul thả diều vào những ngày có gió.

Choose "flies".

6 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Trẻ em chơi ở công viên vào ngày thứ Bảy.

Choose "play".

7 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Chúng tôi sống trong một ngôi nhà lớn.

Choose "live".

8 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Maria ăn sáng trên ban công.

Choose "has".

9 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Mẹ tôi mặc đồng phục đi làm.

Choose wears".

10 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Anh ấy đạp xe đến trường vào mỗi buổi sáng.

Choose "rides".

11 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Tôi thường câu cá ở con sông gần nhà.

Choose "fish".

12 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

- Cách sử dụng: diễn tả những chân lý, sự thật hiển nhiên, hành động, đặc điểm và thói quen đang diễn ra trong hiện tại.

- Cấu trúc sử dụng:

Thể khẳng định:

Cấu trúc sử dụng động từ thường: S + V(s, es)

Cấu trúc sử dụng động từ to-be: S + am/is/are

Thể phủ định: S + do not /does not + V

Thể nghi vấn:

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ thường: Do/does + S + V-inf?

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với động từ to-be: Am/is/are + S + complement?

- Dấu hiệu nhận biết: Xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: always, usually, often, sometimes, rarely, everyday, once a month, in the morning,…

Tạm dịch: Họ đến từ Italy. Họ nói tiếng Ý.

Choose "speak".

13 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch:

Tôi không làm bài tập về nhà sau bữa tối.

Choose "don't".

14 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Terry không viết bưu thiếp vào những ngày đặc biệt.

Choose "doesn't".

15 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Chúng tôi không muốn có một ngôi nhà mới trong thành phố.

Choose "don't".

16 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Larry và George không chơi trong đội.

Choose "don't".

17 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Chú tôi không đi dạo vào mỗi Chủ Nhật.

Choose "doesn't".

18 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Gia đình Browns không xem TV vào các ngày trong tuần.

Choose "don't".

19 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Họ không đến thăm nơi trú ẩn động vật.

Choose "don't".

20 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Ông Cutter không ở tại một khách sạn lớn.

Choose "doesn't".

21 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Bruce không làm việc tại một nhà máy ở trung tâm thành phố

Choose "Bruce doesn't work at a factory in the city center".

22 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Họ không đến thăm ông bà vào mỗi cuối tuần.

Choose "They don't visit their grandparents every weekend.".

23 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Các bạn cùng lớp của tôi không học tiếng Anh trước giờ học.

Choose "My classmates don't study English before school.".

24 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Cô ấy không thích nhạc pop và những câu chuyện phiêu lưu.

Choose "She doesn't like pop music and adventure stories.".

25 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Tôi không chơi trống trong ban nhạc của trường.

Choose "I don't play the drum in the school band.".

26 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường

I/You/We/They/N số nhiều + don't + V nguyên thể

He/She/It/N số ít + doesn't + V nguyên thể

Tạm dịch: Dì của chúng tôi không nấu những chiếc bánh sô cô la ngon cho chúng tôi.

Choose "Our aunt doesn't cook delicious chocolate cakes for us.".

27 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu nghi vấn với động từ thường

Do + I/you/we/they/N số nhiều + V nguyên thể?

Does + he/she/it/N số ít + V nguyên thể?

Tạm dịch: Bố của bạn làm việc ở văn phòng không?

Choose "Does".

28 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu nghi vấn với động từ thường

Do + I/you/we/they/N số nhiều + V nguyên thể?

Does + he/she/it/N số ít + V nguyên thể?

Tạm dịch: Cô ấy có bút chì màu nào không?

Choose "Does".

29 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu nghi vấn với động từ thường

Do + I/you/we/they/N số nhiều + V nguyên thể?

Does + he/she/it/N số ít + V nguyên thể?

Tạm dịch: Họ có đánh răng sau khi ăn sáng không?

Choose "Do".

30 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu nghi vấn với động từ thường

Do + I/you/we/they/N số nhiều + V nguyên thể?

Does + he/she/it/N số ít + V nguyên thể?

Tạm dịch: Rachel đi thăm viện bảo tàng trong thành phố không?

Choose "Does".

31 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu nghi vấn với động từ thường

Do + I/you/we/they/N số nhiều + V nguyên thể?

Does + he/she/it/N số ít + V nguyên thể?

Tạm dịch: Bạn học ở trường tiểu học không?

Choose "Do".

32 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu nghi vấn với động từ thường

Do + I/you/we/they/N số nhiều + V nguyên thể?

Does + he/she/it/N số ít + V nguyên thể?

Tạm dịch: Chúng ta có pho mát trong tủ lạnh không?

Choose "Do".

33 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu nghi vấn với động từ thường

Do + I/you/we/they/N số nhiều + V nguyên thể?

Does + he/she/it/N số ít + V nguyên thể?

Tạm dịch: Bà Smith lái xe đi làm à?

Choose "Does".

34 (NB)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cấu trúc câu nghi vấn với động từ thường

Do + I/you/we/they/N số nhiều + V nguyên thể?

Does + he/she/it/N số ít + V nguyên thể?

Tạm dịch: Tàu đến lúc mười một giờ phải không?

Choose "Does".

35 (TH)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Cô làm việc tại một ngân hàng.

Tạm dịch: Một tình huống cố định

Choose c.

36 (TH)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Họ thường đi ăn ngoài vào thứ Bảy. => một hành động lặp đi lặp lại hoặc theo thói quen

Choose e.

37 (TH)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Len có nguồn gốc từ cừu. => một sự thật chung

Choose a.

38 (TH)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Mặt trời mọc ở phía đông. => một quy luật tự nhiên

Choose f.

39 (TH)

Giải thích:

Xe buýt đến lúc 5 giờ. => thời khóa biểu

Choose b.

40 (TH)

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Bộ phim sẽ bắt đầu sau mười phút nữa. => một chương trình

Choose d.